

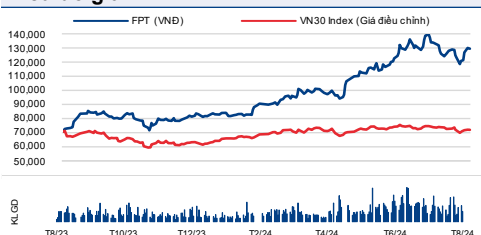
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ147,200
Tiềm năng tăng/giảm: 13.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (14/8/2024)	129,500
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	71,679-139,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	129,733
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	189,128
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,555
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,460
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	716
Slg CP NN được mua (tr.đv)	54.7
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	45.3%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	52,618	63,409	76,284
EBITDA đc (tỷ đồng)	10,738	12,798	15,620
LNTT (tỷ đồng)	9,203	11,104	13,548
LNT ĐC (tỷ đồng)	6,449	7,903	9,896
FCF (tỷ đồng)	5,539	4,786	7,194
EPS ĐC (đồng)	4,661	4,937	6,181
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,500
BVPS (đồng)	19,665	20,037	23,718
T.trưởng EBITDA (%)	24.5	19.2	22.0
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.24	5.91	25.2
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.4	20.2	20.5
Tỷ suất LNTT (%)	17.5	17.5	17.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.3	12.5	13.0
Tỷ lệ LN trả CT (%)	42.9	40.5	40.4
Nợ thuần/VCSH (%)	25.5	21.4	14.1
ROAE (%)	28.1	29.2	31.0
ROACE (%)	29.3	30.4	31.3
EV/doanh thu (lần)	3.24	3.07	2.53
EV/EBITDA ĐC (lần)	15.9	15.2	12.4
P/E ĐC (lần)	27.8	26.2	21.0
P/B (lần)	6.59	6.46	5.46
Lợi suất cổ tức (%)	1.54	1.54	1.93

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Tháng 7/2024: Lợi nhuận thuần vững chắc, mặc dù doanh thu giảm nhẹ

- FPT công bố KQKD tháng 7/2024 vững chắc với 613 tỷ đồng lợi nhuận thuần (tăng 24% so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 4.905 tỷ đồng (tăng 15% so với cùng kỳ). Mảng dịch vụ CNTT toàn cầu vẫn tiếp tục là động lực tăng trưởng chính trong khi doanh thu mảng dịch vụ CNTT trong nước giảm. Tốc độ tăng trưởng hàng năm của mảng viễn thông và giáo dục cũng bắt đầu cải thiện.
- So với tháng trước, doanh thu thuần giảm 10% do KQKD của mảng dịch vụ CNTT trong nước kém tích cực trong khi lợi nhuận thuần đi ngang, nhờ LNTT của mảng giáo dục/đầu tư tăng mạnh (tăng 249% so với tháng trước đạt 150 tỷ đồng).
- Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, doanh thu và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 34,2 nghìn tỷ đồng (tăng 20,5% so với cùng kỳ) và 4,3 nghìn tỷ đồng (tăng 22,6% so với cùng kỳ). Kết quả trên sát với dự báo và hoàn thành 54% dự báo doanh thu và lợi nhuận thuần cho cả năm 2024 của chúng tôi. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD tháng 7/2024

Ngày 15/8/2024, FPT công bố KQKD tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2024. Theo đó, doanh thu thuần tăng 15% so với cùng kỳ đạt 4.905 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận thuần tăng mạnh 24% so với cùng kỳ đạt 613 tỷ đồng. Tính chung 7 tháng đầu năm, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 34,2 nghìn tỷ đồng (tăng 20,5% so với cùng kỳ) và 4,3 nghìn tỷ đồng (tăng 22,6% so với cùng kỳ). Với kết quả trên, FPT đã hoàn thành 54% dự báo doanh thu và lợi nhuận thuần cho cả năm 2024 của chúng tôi. Chi tiết như sau:

Tốc độ tăng trưởng doanh thu dịu bớt do mảng dịch vụ CNTT trong nước kém

FPT ghi nhận doanh thu tháng 7/2024 tăng 15% so với cùng kỳ nhưng giảm 10% so với tháng trước, đạt 4.905 tỷ đồng do mảng dịch vụ CNTT trong nước ghi nhận KQKD kém khả quan. Theo đó:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 15/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD tháng 7 & 7 tháng đầu năm 2024, FPT

KQKD tháng 7 vững chắc và sát dự báo với doanh thu và lợi nhuận thuần tăng lần lượt 15% và 24% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	T7/24	% sv cùng kỳ	% sv tháng trước	7T2024	% sv cùng kỳ	2024F	% đạt dự báo HSC
Doanh thu	4,905	15.1%	-9.5%	34,243	20.5%	63,409	54.0%
Công nghệ	3,061	12.7%	-14.1%	21,138	24.9%	38,685	54.6%
Nước ngoài	2,629	30.4%	2.1%	17,202	29.9%	30,760	55.9%
Trong nước	432	-38.3%	-56.3%	3,936	7.1%	7,925	49.7%
Viễn thông	1,481	12.6%	1.6%	9,725	8.1%	17,270	56.3%
Khác	363	56.5%	-9.7%	3,380	34.4%	7,454	45.3%
LNTT	877	20.1%	-0.9%	6,075	19.8%	11,104	54.7%
Công nghệ	423	15.6%	-18.8%	2,875	21.3%	5,240	54.9%
Nước ngoài	424	24.7%	0.7%	2,718	25.0%	4,799	56.6%
Trong nước	(1)	-103.8%	-101.0%	157	-20.3%	441	35.6%
Viễn thông	304	11.4%	-5.3%	2,063	15.4%	3,565	57.9%
Khác	150	64.8%	248.8%	1,137	24.8%	2,300	49.4%
Lợi nhuận thuần	613	24.3%	-1.1%	4,285	22.6%	7,923	54.1%

Nguồn: FPT, HSC

- **Doanh thu mảng công nghệ** tăng 13% so với cùng kỳ nhưng giảm 14% so với tháng trước đạt 3.061 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng chậm lại là do doanh thu mảng dịch vụ CNTT trong nước giảm 38% so với cùng kỳ và 56% so với tháng trước xuống chỉ còn 432 tỷ đồng. HSC nhận thấy thị trường trong nước diễn biến kém tích cực trong thời gian dài đã ảnh hưởng đến doanh thu chung của FPT.

Trong khi đó, mảng dịch vụ CNTT toàn cầu vẫn duy trì được đà tăng trưởng ở mức 30% so với cùng kỳ và 2% so với tháng trước, lên 2.629 tỷ đồng. Doanh thu mới ký kết với đối tác trong tháng 7 tăng mạnh 72% so với cùng kỳ và 24% so với tháng trước đạt 2.882 tỷ đồng, nhờ sự đóng góp tích cực từ các thị trường chủ chốt như Nhật Bản và châu Á-Thái Bình Dương.

Lũy kế 7 tháng đầu năm, doanh thu CNTT đạt 21,1 nghìn tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ, bao gồm doanh thu toàn cầu 17,2 nghìn tỷ đồng, tăng 30% so với cùng kỳ và doanh thu trong nước 4 nghìn tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ. Doanh thu ký kết với đối tác trong 7 tháng đầu năm tăng mạnh 24% so với cùng kỳ đạt 21,6 nghìn tỷ đồng. Kết quả trên giúp Công ty duy trì đà tăng trưởng trong các giai đoạn tới đối với mảng dịch vụ CNTT toàn cầu của FPT.

- **Mảng viễn thông** trở thành điểm sáng trong tháng 7 với doanh thu tăng 2 con số so với cùng kỳ. Theo đó, doanh thu mảng viễn thông trong tháng 7 đạt 1.481 tỷ đồng (tăng 13% so với cùng kỳ), tháng có mức tăng trưởng so với cùng kỳ cao nhất từ đầu năm đến nay. Kết quả trên đẩy doanh thu 7 tháng lên 9.725 tỷ đồng (tăng 8% so với cùng kỳ).
- **Doanh thu mảng giáo dục/đầu tư** tăng mạnh 57% so với cùng kỳ lên 363 tỷ đồng, đẩy doanh thu 7 tháng lên 3.380 tỷ đồng, tăng 34% so với cùng kỳ.

So với tháng trước, doanh thu mảng công nghệ giảm 14%, do doanh thu mảng dịch vụ CNTT trong nước giảm 56% so với tháng trước, mặc dù doanh thu mảng dịch vụ CNTT toàn cầu tăng 2% so với tháng trước. Doanh thu mảng viễn thông trong tháng 7 tiếp tục cải thiện 2% so với tháng trước trong khi doanh thu mảng giáo dục giảm 10% so với tháng trước. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt 34,2 nghìn tỷ đồng, tăng 20,5% so với cùng kỳ và hoàn thành 54% dự báo doanh thu thuần cho cả năm 2024 của chúng tôi ở mức 63,4 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 20,5%).

Đà tăng trưởng lợi nhuận vẫn tích cực, nhờ tỷ suất lợi nhuận mở rộng

Trong tháng 7, FPT ghi nhận 613 tỷ đồng lợi nhuận thuần, tăng 24% so với cùng kỳ và không đổi so với tháng trước mặc dù doanh thu thuần tăng chậm nhờ tỷ suất lợi nhuận mảng giáo dục/đầu tư mở rộng và cơ cấu doanh thu tốt hơn (với sự đóng góp cao hơn từ mảng dịch vụ CNTT toàn cầu). Thông tin bên dưới là tỷ suất lợi nhuận trước thuế xét theo mảng kinh doanh:

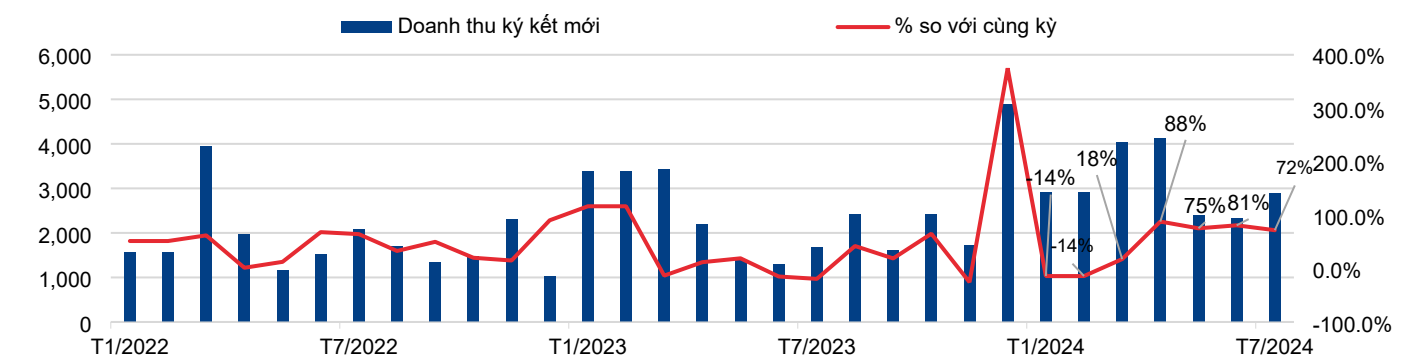
- **Tỷ suất lợi nhuận trước thuế mảng công nghệ** mở rộng lên mức 13,8% trong tháng 7 năm nay, từ mức 13,5% trong tháng 7 năm ngoái nhờ mức đóng góp cao hơn từ mảng dịch vụ CNTT toàn cầu dù tỷ suất lợi nhuận trước thuế của mảng này giảm nhẹ xuống 16,1% từ 16,9% trong tháng 7/2023, nhờ việc ghi nhận khấu hao lợi thế thương mại. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế mảng dịch vụ CNTT trong nước âm 0,2% trong tháng 7/2024, do sản phẩm mới (sản phẩm Made-by-FPT) chưa mang lại lợi nhuận trong giai đoạn này do mức chi tiêu cho các sản phẩm CNTT tại thị trường trong nước còn thấp.
- **Tỷ suất lợi nhuận trước thuế mảng viễn thông** trong tháng 7/2024 đạt 20,5%, gần như không đổi so với mức 20,8% trong tháng 7/2023.
- **Mảng giáo dục và đầu tư** ghi nhận tỷ suất lợi nhuận trước thuế 41,3% trong tháng 7, cao hơn so với mức 39,2% trong tháng 7/2023. Kết quả này có được chủ yếu nhờ vào sự cải thiện của HĐKD của các công ty liên kết, trong khi tỷ suất lợi nhuận của giáo dục vẫn ổn định ở mức trên 25%.

Nhìn chung, tỷ suất lợi nhuận trước thuế trong tháng 7/2024 tăng lên mức 17,9%, cao hơn mức 17,1% trong tháng 7/2023 và 16,3% trong tháng 6/2024. Tỷ suất lợi nhuận cải thiện lên 12,5% trong tháng 7/2024, cao hơn mức 11,6% trong tháng 7/2023 và 11,4% trong tháng 6/2024. Trong 7 tháng đầu năm 2024, FPT ghi nhận 4.285 tỷ đồng lợi nhuận thuần (tăng 22,6% so với cùng kỳ), đạt 54% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi ở mức 7.923 tỷ đồng (tăng 22,5% so với cùng kỳ).

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Cho năm 2024, HSC giữ nguyên dự báo lợi nhuận, với doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 63,4 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 20,5%) và 7,9 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 22,5%). Sau khi giá cổ phiếu tăng 8% kể từ khi chúng tôi nâng khuyến nghị lên Mua vào ngày 6/8/2024, FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 22,7 lần, cao hơn bình quân 3 năm ở mức 16,5 lần. Mức định giá mới này hợp lý nhờ vào triển vọng lợi nhuận tích cực với tốc độ tăng trưởng CAGR 3 năm là 24,3% giai đoạn 2024-2026. So với các công ty cùng ngành trên toàn cầu, FPT vẫn đang giao dịch ở mức chiết khấu 5% trong năm nay và 14% vào năm sau. HSC đang xem xét lại khuyến nghị Mua vào đối với FPT do tiềm năng tăng giá thu hẹp xuống mức 14% tại giá mục tiêu 147.200đ.

Bảng 2: Doanh thu từ hợp đồng ký kết mới hàng tháng, FPT



Nguồn: FPT, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	44,010	52,618	63,409	76,284	92,859
Lợi nhuận gộp	17,167	20,320	24,516	29,676	36,263
Chi phí BH&QL	(10,373)	(11,868)	(14,368)	(17,337)	(21,152)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	6,795	8,452	10,147	12,339	15,111
Lãi vay thuần	311	618	533	577	699
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	484	42.3	314	499	630
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	73.0	91.3	110	132	161
LN TT	7,662	9,203	11,104	13,548	16,600
Chi phí thuế TNDN	(1,171)	(1,415)	(1,622)	(1,931)	(2,315)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,181)	(1,323)	(1,559)	(1,697)	(1,852)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	5,310	6,465	7,923	9,920	12,434
Lợi nhuận thuần ĐC	5,297	6,449	7,903	9,896	12,405
EBITDA ĐC	8,628	10,738	12,798	15,620	19,163
EPS (đồng)	4,429	4,661	4,937	6,181	7,747
EPS ĐC (đồng)	4,429	4,661	4,937	6,181	7,747
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,500	2,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,095	1,267	1,460	1,460	1,460
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,097	1,270	1,460	1,460	1,460
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,097	1,270	1,460	1,460	1,460

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	6,440	8,279	10,928	15,337	20,865
Đầu tư ngắn hạn	13,047	16,104	19,325	23,190	27,828
Phải thu khách hàng	8,503	9,674	11,604	13,960	16,993
Hàng tồn kho	1,966	1,593	1,902	2,289	2,786
Các tài sản ngắn hạn khác	982	1,055	1,268	1,526	1,857
Tổng tài sản ngắn hạn	30,938	36,706	45,027	56,301	70,330
TSCĐ hữu hình	11,776	13,697	14,720	15,695	16,476
TSCĐ vô hình	1,287	1,257	1,197	1,094	936
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,033	1,227	1,322	1,421	1,525
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,206	2,108	2,213	2,324	2,440
Tài sản dài hạn khác	4,411	5,288	5,992	6,591	7,461
Tổng tài sản dài hạn	20,713	23,577	25,443	27,124	28,837
Tổng cộng tài sản	51,650	60,283	70,470	83,425	99,167
Nợ ngắn hạn	10,904	13,838	15,852	18,308	20,429
Phả trả người bán	3,209	2,603	3,170	3,814	4,643
Nợ ngắn hạn khác	9,246	11,176	13,011	15,653	19,054
Tổng nợ ngắn hạn	24,521	29,652	34,365	40,579	47,540
Nợ dài hạn	1,478	208	600	1,000	1,000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	149	246	330	396	475
Nợ dài hạn khác	143	175	209	252	307
Tổng nợ dài hạn	1,770	629	1,139	1,648	1,782
Tổng nợ phải trả	26,294	30,350	35,504	42,227	49,322
Vốn chủ sở hữu	21,046	24,974	29,263	34,640	42,303
Lợi ích cổ đông thiểu số	4,310	4,959	5,703	6,558	7,542
Tổng vốn chủ sở hữu	25,356	29,933	34,966	41,198	49,845
Tổng nợ phải trả và VCSH	51,650	60,283	70,470	83,425	99,167
BVPS (đ)	19,185	19,665	20,037	23,718	28,966
Nợ thuần*/(tiền mặt)	5,942	5,767	5,524	3,971	564

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	6,795	8,452	10,147	12,339	15,111
Khấu hao	(1,833)	(2,287)	(2,650)	(3,281)	(4,052)
Lãi vay thuần	311	618	533	577	699
Thuế TNDN đã nộp	(1,171)	(1,415)	(1,622)	(1,931)	(2,315)
Thay đổi vốn lưu động	(1,781)	678	(1,793)	(1,649)	(2,123)
Khác	(933)	(1,102)	(1,199)	(882)	(788)
LCT thuần từ HKKD	5,054	9,517	8,718	11,735	14,636
Đầu tư TS dài hạn	(3,215)	(3,978)	(3,932)	(4,541)	(5,147)
Góp vốn & đầu tư	(33,552)	(35,290)	(3,326)	(3,976)	(4,754)
Thanh lý	40,731	30,582	0	0	0
Khác	1,794	2,137	1,704	1,986	2,323
LCT thuần từ HĐĐT	5,757	(6,548)	(5,554)	(6,531)	(7,578)
Cổ tức trả cho CSH	(2,222)	(2,931)	(2,921)	(3,651)	(3,651)
Thu từ phát hành CP	77.0	73.1	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(7,620)	1,719	2,406	2,856	2,121
Khác	(8.38)	(30.2)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(9,773)	(1,168)	(515)	(795)	(1,530)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,418	6,440	8,279	10,928	15,337
LCT thuần trong kỳ	1,038	1,800	2,649	4,409	5,529
Ảnh hưởng của tỷ giá	(15.4)	38.6	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	6,440	8,279	10,928	15,337	20,865
Dòng tiền tự do	1,839	5,539	4,786	7,194	9,490

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	39.0	38.6	38.7	38.9	39.1
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.6	20.4	20.2	20.5	20.6
Tỷ suất LNT (%)	12.1	12.3	12.5	13.0	13.4
Thuế TNDN hiện hành (%)	15.3	15.4	14.6	14.3	13.9
Tăng trưởng doanh thu (%)	23.4	19.6	20.5	20.3	21.7
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	22.2	24.5	19.2	22.0	22.7
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	22.7	21.7	22.6	25.2	25.3
Tăng trưởng EPS (%)	(13.6)	5.24	5.91	25.2	25.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(13.6)	5.24	5.91	25.2	25.3
Tăng trưởng DPS (%)	(25.9)	0	0	25.0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	45.2	42.9	40.5	40.4	32.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	27.2	28.1	29.2	31.0	32.3
ROACE (%)	26.6	29.3	30.4	31.3	32.0
Vòng quay tài sản (lần)	0.84	0.94	0.97	0.99	1.02
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.74	1.13	0.86	0.95	0.97
Số ngày tồn kho	26.7	18.0	17.9	17.9	18.0
Số ngày phải thu	116	109	109	109	110
Số ngày phải trả	43.6	29.4	29.8	29.9	29.9
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	30.6	25.5	21.4	14.1	3.92
Nợ/tài sản (%)	24.9	24.3	24.4	24.2	22.7
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.49	1.36	1.34	1.29	1.18
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.26	1.24	1.31	1.39	1.48
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.36	3.24	3.07	2.53	2.04
EV/EBITDA ĐC (lần)	17.2	15.9	15.2	12.4	9.90
P/E (lần)	29.2	27.8	26.2	21.0	16.7
P/E ĐC (lần)	29.2	27.8	26.2	21.0	16.7
P/B (lần)	6.75	6.59	6.46	5.46	4.47
Lợi suất cổ tức (%)	1.54	1.54	1.54	1.93	1.93

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn